TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 11 - 2017
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Duy Tuân

Ông Đỗ Văn Thư

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng - Cán bộ Toà án huyện A, thành phố Hải Phòng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên, vắng mặt tại phiên tòa.

Ngày 10 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 274/2017/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2017 về ly hôn và nuôi con chung sau ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thúy Q, sinh năm 1976; cư trú tại: Tổ dân phố 7, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân B, sinh năm 1970; cư trú tại: Tổ dân phố 7, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt tại phiên toà lần hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng nguyên đơn là chị Nguyễn Thúy Q trình bày: Chị và anh Nguyễn Xuân B kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng vào năm 2000. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống tại nhà A2, phường Q, quận H, thành phố Hải Phòng đến năm 2011 thì chuyển về sống tại tổ dân phố 7, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc vui vẻ đến năm

2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến hai bên thường xuyên xảy ra va chạm bất hòa căng thẳng. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng chị tuy sống chung một một nhà nhưng đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 đến nay, không còn quan tâm và trách nhiệm với nhau nữa. Cách đây khoảng mấy tháng do mâu thuẫn vợ chồng quá căng thẳng nên chị đã cùng con gái thuê nhà trọ sinh sống. Nay chị xét thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh B, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không thể chung sống đoàn tụ với nhau, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Xuân B.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Xuân B có 02 con chung là Nguyễn Phương T, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2001 và Nguyễn Hải N, sinh ngày 20 tháng 12 năm 2007. Ly hôn chị đề nghị Tòa án hai giao con chung cho chị nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Trong trường hợp nếu Tòa án không chấp nhận thì chị đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Phương T cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Hải N cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Anh B yêu cầu nuôi cả hai con chung chị không chấp nhận vì hiện tại chị là giáo viên có thu nhập ổn định và thời gian đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh Nguyễn Xuân B tự thỏa thuận phân chia, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình tố tụng anh Nguyễn Xuân B trình bày:

Anh B xác định lời trình bày của chị Nguyễn Thúy Q về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống của vợ chồng là đầy đủ, chính xác. Nay chị Q yêu cầu xin ly hôn với lý do vợ chồng không còn tình cảm, anh có quan điểm không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm với chị Q, tuy vợ chồng anh có va chạm với nhau và sống ly thân hai năm nay, không còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau nữa, bản thân chị Q xa lánh anh nhưng anh vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ để chăm sóc con chung.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thúy Q có 02 con chung là Nguyễn Phương T, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2001 và Nguyễn Hải N, sinh ngày 20 tháng 12 năm 2007. Nếu ly hôn anh đề nghị Tòa án hai giao con chung Nguyễn Phương T và Nguyễn Hải N cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Chị Q yêu cầu nuôi hai con chung hoặc một con chung sau ly hôn anh không chấp nhận.

Về tài sản chung: Anh và chị Nguyễn Thúy Q tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về việc vắng mặt của Kiểm sát viên và bị đơn anh Nguyễn Xuân B :

- Đối với Kiểm sát viên: Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án này có sự tham gia của Kiểm sát viên. Tuy nhiên, trước thời điểm mở phiên tòa, do tình trạng sức khỏe bà Đỗ Thị Thơ không thể tiến hành tố tụng tại phiên tòa được mà không có Kiểm sát viên thay thế nên căn cứ vào khoản 1 Điều 232 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Kiểm sát viên.

- Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành các trình tự giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh B theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự song bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Xuân B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Toà án thu thập đã có đủ cơ sở xác định lời khai của chị Nguyễn Thúy Q và anh Nguyễn Xuân B về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống giữa hai bên là đúng sự thật. Mâu thuẫn vợ chồng được thể hiện ở việc trong quá trình chung sống hai bên thường xuyên va chạm, bất hòa, đánh cãi nhau, không có hạnh phúc và hai bên đã sống ly thân từ hai năm nay, không còn quan tâm và trách nhiệm đến nhau nữa. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thiếu sự quan tâm và chăm sóc lẫn nhau, không tin tưởng nhau. Mâu thuẫn của hai bên đã được gia đình, chính quyền địa phương can thiệp giúp đỡ nhưng hai bên không khắc phục được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần báo anh B đến để hòa giải tìm cách khắc phục mâu thuẫn giữa hai bên. Tuy nhiên, anh B vắng mặt tại một số phiên hòa giải không có lý do, không tham gia phiên hòa giải để hai bên hàn gắn đoàn tụ, tại phiên tòa tiếp tục vắng mặt không có lý do, không đưa ra được biện pháp gì hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Bản thân chị Q tại phiên tòa vẫn xác định chị không còn tình cảm vợ chồng, sự tin tưởng, thương yêu anh B, chị không thể tiếp tục chung sống đoàn tụ với anh B và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Xuân B.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thúy Q và anh Nguyễn Xuân B đã kéo dài và trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị Q với anh B là có cơ sở, cần được chấp nhận để giải phóng cho hai bên khỏi sự ràng buộc bởi

quan hệ hôn nhân. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Thúy Q được ly hôn anh Nguyễn Xuân B.

[3]Về con chung: Chị Nguyễn Thúy Q và anh Nguyễn Xuân B có hai con chung là Nguyễn Phương T, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2001 và Nguyễn Hải N, sinh ngày 20 tháng 12 năm 2007. Quá trình giải quyết vụ án chị Q và anh B có tranh chấp về việc nuôi con chung. Chị Q và anh B đều có yêu cầu được nuôi cả hai con chung sau ly hôn. Việc nuôi dưỡng con chung là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ. Hội đồng xét xử, xét thấy hiện chị Q và anh B đều có việc làm và thu nhập nên về điều kiện nuôi dưỡng các con chung sau ly hôn là ngang nhau. Để đảm bảo cho việc nuôi dưỡng các con chung sau ly hôn nên giao cho chị Q và anh B mỗi người phải nuôi dưỡng một con chung sau ly hôn là phù hợp. Căn cứ vào điều kiện nuôi dưỡng các con chung, nguyện vọng của các con chung nên giao cho chị Q trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Phương T còn để anh B nuôi con chung Nguyễn Hải N sau ly hôn là có cơ sở. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày 11 tháng 11 năm 2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thúy Q và anh Nguyễn Xuân B không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy, Hội đồng không xem xét giải quyết, sau này hai bên có tranh chấp sẽ xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thúy Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, các Điều 70, 143, 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 232 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 6, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thúy Q được ly hôn anh Nguyễn Xuân B.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Phương T, sinh ngày 14 tháng 8 năm 2001 cho chị Nguyễn Thúy Q trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn

Hải N, sinh ngày 20 tháng 12 năm 2007 cho anh Nguyễn Xuân B nuôi dưỡng sau ly hôn. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày 11 tháng 11 năm 2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thúy Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Chị Q đã nộp đủ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (Biên lai thu tiền số 0007263 ngày 18 tháng 8 năm 2017).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND Thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng nơi bị đơn đang cư trú.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Tuân **Đỗ Văn Thư** **Nguyễn Thị Thu Hương**

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Lưu Kiếm (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hương